



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Ôn tập cuối học kì 1 · Unit 1–8 (SGK tr. 20–39)



Tuần 18

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



izza



opcorn



ite



ike



itten

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

itten (mèo con)

ail (cánh buồm)

elly (thạch)

an (xe tải nhỏ)

bo (cái hộp)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

kite sea rainbow popcorn

1. The is yummy.

2. Is he flying a ?

3. Let's look at the !

4. I can see a

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. pasta

2. sea

3. quiz

4. juice

a. biển

b. câu đố vui

c. nước ép

d. mì ống

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Can you draw a van? – No, I .

(A) can't (B) can

2. What's he doing? – He's doing a .

(A) sand (B) quiz (C) road

3. Is there a box? – Yes, there .

(A) is (B) isn't

4. Từ nào bắt đầu bằng chữ r?

(A) river (B) jam (C) box

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: van jam

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 18

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

– pizza – popcorn – kite – bike – kitten

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

kitten (mèo con) sail (cánh buồm) jelly (thạch) van (xe tải nhỏ) box (cái hộp)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. The **popcorn** is yummy.
2. Is he flying a **kite**?
3. Let's look at the **sea**!
4. I can see a **rainbow**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – d 2 – a 3 – b 4 – c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (can't) 2. **B** (quiz) 3. **A** (is) 4. **A** (river)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

van jam

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5